

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
Bản án số: 130/2018/HSST
Ngày: 26/4/2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Thẩm phán: Ông Phan Văn Liệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.1 Ông Lê Giáo.

1.2 Ông Bùi Quang Việt.

1.3 Ông Phạm Đức Hoan.

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Hưng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đào Công Lữ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 62/2018/HSST ngày 25/01/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1239/2018/QĐST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Xuân C; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1950 tại: Hải Phòng; ĐKNKTT: Không có; Chỗ ở: , xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Trình độ văn hoá: 7/12; Nghề nghiệp: không; Cha: Nguyễn Văn C (chết); Mẹ: Hoàng Thị Y (chết); Vợ: Nguyễn Thị O, sinh năm 1956, Con: 3 người, lớn nhất sinh năm 1976, nhỏ nhất sinh năm 1997; Tiền án, tiền sự: không;

-Nhân thân: Ngày 22/02/1979 bị Công an Tp. Hồ Chí Minh bắt về hành vi “Cướp tài sản của công dân” và ngày 31/01/1981, bị Công an Tp. Hồ Chí Minh bắt về hành vi “Tổ chức, cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép” (xác minh tại văn phòng Cơ quan CSĐT Công an Tp. Hồ Chí Minh không tìm thấy thông tin).

-Bắt tạm giam từ ngày: 13/8/2016 (có mặt).

2/ Kiều Thị M; Giới tính: Nữ; Sinh năm: 1975 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; ĐKNKTT: Nguyễn Duy Dương, Phường C, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Trần Xuân Soạn, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 3/12; Nghề nghiệp: không; Cha: Kiều Văn N, sinh năm 1943; Mẹ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1944;

Chồng: Phan Thái B, sinh năm 1986; Con: 2 người, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: không; Bắt tạm giam từ ngày 14/8/2016 (có mặt).

3/ Trần Kim H; Giới tính: Nữ; Sinh năm: 1995; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; ĐKNKTT: Hồ Thị Kỷ, Phường N, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Vĩnh Viễn, Phường K, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 6/12; Nghề nghiệp: không; Cha: Trần Ngọc S (chết); Mẹ: Lê Thị Hồng H (chết); Chồng: Tiêu Cẩm Q, sinh năm 1984; Con: 04 con (lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2017); Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

Những người tham gia tố tụng:

+Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/Bà Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh năm 1976; ĐKNKTT: , xã Phước V, huyện Củ C, Thành phố Hồ Chí Minh; Trú tại: Tôn Đản, phường X, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2/Ông Tiêu Quốc L, sinh năm 1962; ĐKHKT: số Vĩnh Viễn, Phường X, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

+Người làm chứng: Ông Nguyễn Thành K, sinh năm 1996; Địa chỉ: Xóm Chiếu, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

+Người bào chữa:

1/Ông Đỗ Ngọc O là Luật sư Văn phòng luật sư Đỗ Ngọc O thuộc Đoàn luật sư Tp. Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Nguyễn Xuân C (có mặt).

2/Bà Lê Nguyễn Quỳnh T là Luật sư Văn phòng luật sư Quỳnh Thi thuộc Đoàn luật sư Tp. Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Kiều Thị M (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 17h00' ngày 13/8/2016, tại khu vực ngã tư Đường số 7 và đường Thới Hòa, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh - Tổ công tác thuộc Đội 6 Cơ quan C sát điều tra Công an Tp. Hồ Chí Minh phát hiện Nguyễn Xuân C có dấu hiệu nghi vấn nên đưa về trụ sở Công an xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh. Qua kiểm tra phát hiện phía trước бага xe máy của C có 01 áo mưa, bên trong có 01 cái ví chứa 07 bìch nylon chứa tinh thể không màu, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 49,8480g, loại Methamphetamine (MA).

Tiến hành khám xét nhà C tại Ấ, xã Phước V, huyện Củ C, C đã tự lấy từ trong bếp ra nộp cho Cơ quan điều tra 01 hộp nhựa bên trong đựng 03 bìch nylon chứa tinh thể không màu và 01 hộp nhựa bên trong có 08 bìch nylon chứa tinh thể không màu, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 395,42g loại MA.

Toàn bộ số ma túy thu giữ trong vụ án đã được giám định, kết quả thể hiện tại Kết luận giám định số 1577/KLGĐ-H ngày 28/10/2016 Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Tp. Hồ Chí Minh (BL 63-64).

Qua lời khai của C, Cơ quan điều tra đã tiến hành bắt khẩn cấp Kiều Thị M và Trần Kim H là đối tượng đã mua ma túy của C.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Xuân C khai nhận số ma túy thu giữ trên xe và trong nhà do C mua của đối tượng tên H ở Hải Phòng (không rõ lai lịch), mua 03 lần để bán lại kiếm lời, cụ thể:

-Lần thứ nhất: vào khoảng cuối tháng 6/2016 C mua của H 50g ma túy với giá 17.000.000đ đã bán cho Kiều Thị M với giá 20.000.000đ, giao hàng tại hẻm 861 Trần Xuân Soạn, Quận 7 và Trần Kim H là người nhận ma túy từ C và cầm về cho Mai. Lần này, Mai điện thoại cho C nói hàng kém chất lượng nên trả lại, C đồng ý và hẹn Mai tại ngã tư An Sương, Quận 12 nhận lại ma túy. Khi đến nơi, C thấy Trần Kim H đem 50g ma túy đã đến trả lại cho C và C đã đưa lại cho Huệ 20.000.000 đồng để trả lại cho Mai.

-Lần thứ hai: vào khoảng cuối tháng 7/2016, C mua của H 20g ma túy với giá 10.000.000 đồng. Sau đó, bán cho Mai với giá 11.000.000 đồng tại khu vực ngã tư Âu Cơ - Lạc Long Quân.

-Lần thứ 3: vào ngày 09/8/2016, C đi máy bay ra Hải Phòng gặp H mua 500g ma túy đã với giá 180.000.000 đồng và thỏa thuận sau khi bán được ma túy C sẽ gửi tiền ra trả H. H đồng ý và giao ma túy cho C. Ngày 12/8/2016, C đi xe ô tô mang ma túy về Sài Gòn và cất giấu tại nhà ở Củ Chi. Đến ngày 13/8/2016, C mang 50g ma túy đã bán cho đối tượng tên Ú (không rõ lai lịch) nhưng Ú không mua nên C mang số ma túy này cất giấu tại bụi cây ở Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc A. Chiều cùng ngày, C lại lấy tiếp 50g ma túy ở nhà chạy đến hẻm 861 Trần Xuân Soạn, Quận 7 bán cho Kiều Thị M với giá 20.000.000 đồng. Sau đó, C chạy về khu Công nghiệp Vĩnh Lộc A lấy 50g ma túy cất giấu ở bụi cây đang trên đường mang về nhà thì bị bắt quả tang như nêu trên.

Kiều Thị M khai nhận phù hợp với Nguyễn Xuân C về số lần, số lượng và số tiền mua ma túy cũng như quá trình nhờ Trần Kim H (bạn của cháu Mai) mang ma túy đi trả lại cho C và lấy tiền về. Mai khai bắt đầu mua bán ma túy từ tháng 5/2016, Mai mua ma túy về chia nhỏ để bán cho các đối tượng nghiện với giá 3.000.000 đồng một hộp 5g để kiếm lời. Mai nhờ Trần Kim H đi giao ma túy cho các đối tượng nghiện. H đã giúp Mai mang ma túy giao cho khách nhiều lần, mỗi ngày đi giao M cho H từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng tùy ngày giao ít hay giao nhiều. M là người trực tiếp liên lạc với khách thống nhất giá cả, số lượng, địa điểm. Sau đó, M trực tiếp đi giao hoặc đưa H số điện thoại của K để H liên lạc giao với khách.

Ngoài ra, khoảng tháng 5/2015, M còn mua ma túy của 01 đối tượng tên Tuấn ở Lầu 10 chung cư Nguyễn Ngọc P gần cầu Thị Nghè, M là người trực tiếp gặp Tuấn mua sau đó kêu H lên và đưa H đem về trước. Tháng 6/2016, M mua ma túy của đối tượng tên Minh Nhóc và H là người nhận ma túy và đem về cho M. Đối với số ma túy M đã mua của C vào ngày 13/8/2016, sau khi mua và quay về nhà thì Mai gặp chồng, cả hai cãi nhau nên chồng M giật lấy bịch ma túy M đang cầm và ném ra đường, lúc đó trời đang mưa nên M không nhặt lại được. Do đó, khi tiến hành khám xét nhà M không thu giữ được số ma túy này.

Trần Kim H khai nhận phù hợp với Nguyễn Xuân C và Kiều Thị M. H khai do hoàn C khó khăn nên phụ giúp Mai giao ma túy kiếm tiền từ đầu năm 2016. Trung bình mỗi ngày H phụ M giao ma túy từ 01 đến 04 lần, trung bình một tuần đi giao ma túy cho Mai từ 04 đến 05 ngày. H chỉ phụ M đi giao ma túy và lấy tiền về cho Mai, về số lượng và giá cả thì do M thỏa thuận với khách.

Vật chứng thu giữ chuyển theo vụ án:

1/Thu giữ của Nguyễn Xuân C:

- 02 gói niêm phong có số 1577(G1,G2) có chữ ký của giám định viên Huỳnh Thanh Thảo và điều tra viên Nguyễn Thanh H bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

- 01 áo mưa, 02 hộp nhựa, 01 cân điện tử, 01 ví màu trắng đỏ xanh đen, 01 giấy phép lái xe tên Nguyễn Xuân C, 01 điện thoại Nokia, Tiền ngân hàng Việt Nam 20.000.000 đồng đã nộp kho bạc quận 10. Tp. Hồ Chí Minh.

- 01 xe máy biển số 59N1-708.83, số khung RLHHC1210DY-178391, số máy HC12E-5178406. Qua xác minh do Lâm A Sáng (HKTT: Phùng Tá Chu, Phường A Quận Bình T) đứng tên chủ sở hữu. Ngày 04/02/2016 Anh Sáng đã bán chiếc xe trên cho Nguyễn Nhật Tân (HKTT: Xã Phước V, Huyện C, TP Hồ Chí Minh) và đến 27/06/2016 Tân đã bán chiếc xe máy trên cho Nguyễn Thị Ngọc Q là con của C. Ngày 13/8/2016, C có mượn Quỳnh chiếc xe trên chỉ nói đi công việc, Quỳnh không biết C sử dụng để đi mua bán ma túy, lời khai của Quỳnh phù hợp với lời khai của C. Hiện Cơ quan điều tra đã lập biên bản tạm giữ xe chờ xử lý theo quy định.

2/Thu giữ của Kiều Thị M:

- 02 điện thoại Nokia, tiền ngân hàng Việt Nam 38.000.000 đồng (đã nộp kho bạc Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh).

3/Thu giữ của Trần Kim H:

- 01 điện thoại Iphone.

- 01 xe máy biển số 52Y6-7558 số khung 058247-GD7D, số máy 058247-BED do Trần Thị Thúy N (HKTT: Đường 49 KP 7 Phường H Quận T, HKTT củ, Phường Tân Thới N Quận N) đứng tên chủ sở hữu. N khai đã bán chiếc xe trên năm 2010 cho Phạm Thị Diệu Hiền (HKTT: Ấp Trung L, Xã B, Huyện H) và H đã bán chiếc xe trên cho một người tên L (không rõ địa chỉ) ở Quận Q. H khai chiếc xe trên là của bố chồng và ngày bị bắt có bị tạm giữ. Lời khai của Tiêu Quốc L (HKTT: Vĩnh Viễn, Phường L, Quận K, TP Hồ Chí Minh) là bố chồng của H là ông L mua chiếc xe trên từ một người ở Quận K đã lâu do xe không có giá trị nên chỉ giữ giấy tờ xe để đi lại cho đến ngày 14/08/2016 H mượn xe đi công việc sau đó bị bắt và bị tạm giữ chiếc xe trên.

Tại bản cáo trạng số 11/CT-VKS-P2 ngày 20/12/2017, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo:

- Nguyễn Xuân C về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm e Khoản 4 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009);

- Kiều Thị M về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo các điểm b, m Khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009);

- Trần Kim H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b Khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố, trình bày lời luận tội, đánh giá tính chất, mức độ và hậu quả nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm e Khoản 4 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân C mức án từ 18 - 19 năm tù.

- Áp dụng điểm b, m Khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Kiều Thị M mức án từ 08 - 09 năm tù.

- Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Trần Kim H mức án từ 06 - 07 năm tù.

Phạt bổ sung: bị cáo Nguyễn Xuân C 20.000.000 đồng, bị cáo Trần Kim H 10.000.000 đồng và bị cáo Trần Kim H 5.000.000 đồng; để sung quỹ Nhà nước và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

+Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Xuân C: Thống nhất về tội danh và khung hình phạt Viện kiểm sát truy tố nên không tranh luận. Luật sư chỉ phân tích đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: trong số ma túy bị thu giữ, bị cáo C mới bán được 50g thì bị bắt nên hậu quả đã được ngăn chặn, thu lợi ít; phạm tội lần đầu, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự và bị cáo có thời gian đi bộ đội, tham gia chiến trường bị thương và đã lớn tuổi (mặc dù hồ sơ giấy tờ đã thất lạc nhưng có thể chấp nhận lời khai này của bị cáo). Nên theo quy định có lợi theo Nghị quyết số 41/NQ-QH, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm i, s, x Khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 2015 và áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

+Luật sư bào chữa cho bị cáo Kiều Thị M: Thống nhất với tội danh và khung hình phạt Viện kiểm sát truy tố nhưng tranh luận: Đề nghị xem xét tình tiết định khung “phạm tội nhiều lần” vì theo nội dung cáo trạng truy tố không làm rõ được những lần bị cáo Mai mua bán ma túy với Tuấn và Nhóc cũng như không chứng minh được khoản tiền bị cáo thu lợi bất chính. Về nhân thân bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Nên cho bị cáo hưởng hình phạt nhẹ hơn mức án Viện kiểm sát đề nghị.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp, không chấp nhận quan điểm bào chữa của luật sư bào chữa cho các bị cáo C, Mai và giữ nguyên quan điểm truy tố.

Bị cáo C, H M không tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét được hưởng mức án khoan hồng vì đã nhận thức được hành vi sai phạm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Xuân C, Kiều Thị M và Trần Kim H đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình cũng như đồng phạm, nội dung phù hợp với bản cáo trạng truy tố, cụ thể: Muốn kiếm tiền tiêu xài nên Nguyễn Xuân C đã 03 lần mua ma túy của đối tượng tên Hùng ở Hải Phòng (không rõ lai lịch) 03 lần để bán lại cho Kiều Thị M kiếm lời:

+Lần thứ nhất vào khoảng cuối tháng 6/2016, C mua của Hùng 50g ma túy đá với giá 17.000.000 đồng bán cho Kiều Thị M với giá 20.000.000 đồng và Trần Kim H đi nhận ma túy mang về đưa cho M. Do hàng kém chất lượng nên M điện thoại cho C và hẹn C tại ngã tư An Sương, Quận 12 gặp H nhận lại 50g ma túy đá và C đã đưa lại cho H 20.000.000 đồng để trả lại cho M.

+Lần thứ hai vào khoảng cuối tháng 7/2016, C mua của H 20g ma túy đá với giá 10.000.000 đồng, sau đó bán cho M với giá 11.000.000 đồng tại khu vực ngã tư Âu Cơ - Lạc Long Quân.

+Lần thứ 3 vào ngày 09/8/2016, C đi máy bay ra Hải Phòng gặp H mua 500g ma túy đá với giá 180.000.000 đồng với thỏa thuận sau khi bán được ma túy C sẽ gửi tiền ra trả H sau, H đồng ý và giao ma túy cho C. Ngày 12/8/2016, C đi xe ô tô mang ma túy về nhà cất giấu tại Củ Chi.

Ngày 13/8/2016, C mang 50g ma túy đá bán cho đối tượng tên Út (không rõ lai lịch) nhưng Ú không mua nên C cất giấu số ma túy này tại bụi cây ở Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc A. Đến chiều cùng ngày, C lấy tiếp 50g ma túy đá mang đến Hẻm Trần Xuân S, Quận K bán cho Kiều Thị M với giá 20.000.000 đồng rồi quay lại Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc A lấy 50g ma túy đá cất giấu ở bụi cây trước đó đang trên đường mang về nhà thì bị cơ quan Công an bắt quả tang thu giữ cùng vật chứng là 07 gói ma túy hàng đá.

Số ma túy còn lại, qua khám xét khẩn cấp nhà C tại, xã Phước Vĩnh A, huyện Củ C, C đã tự lấy từ trong bếp ra nộp cho Cơ quan điều tra 01 hộp nhựa bên trong đựng 03 bịch nylon và 01 hộp nhựa bên trong có 08 bịch nylon, là ma túy đá.

Đối với bị cáo Kiều Thị M từ tháng 5/2016, ngoài việc mua ma túy của bị cáo C nêu trên còn mua ma túy của các đối tượng Tuấn và Minh Nhóc (không rõ lai lịch) về phân chia để bán cho các đối tượng nghiện với giá 3.000.000 đồng/hộp 5g ma túy đá để kiếm lời. Trần Kim H phụ giúp M mang ma túy giao cho khách, mỗi ngày đi giao M cho H từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng. Trung bình, mỗi ngày H phụ giúp M mang ma túy đi giao và lấy tiền về từ 01 - 04 lần, một tuần đi giao ma túy cho Mai từ 04-05 ngày. H chỉ phụ Mai đi giao ma túy và lấy tiền về cho M, còn số lượng và giá cả thì do M thỏa thuận với khách mua ma túy.

Riêng số ma túy M đã mua của C vào ngày 13/8/2016, sau khi mua mang về nhà thì Mai và chồng xảy ra cãi nhau, chồng M giật lấy bịch ma túy ném ra đường trong lúc trời đang mưa nên M không nhặt lại được. Do đó, khi tiến hành khám xét nhà Mai không thu giữ được số ma túy này.

Đối chiếu lời khai nhận của các bị cáo Nguyễn Xuân C, Kiều Thị M và Trần Kim H tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa về cơ bản phù hợp với nhau; phù hợp với: biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản tạm giữ đồ vật – tài liệu, biên bản nhận dạng, lời khai người làm chứng cùng các tài liệu, biên bản về hoạt động tố tụng khác của Cơ quan điều tra có tại hồ sơ vụ án.

Theo các bản kết luận giám định 1577/KLGD-H ngày 28/10/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (bút lục: 63-64) về vật chứng thu giữ của bị cáo Nguyễn Xuân C vào ngày bị bắt quả tang và qua khám xét khẩn cấp tại nơi ở, kết luận: Toàn bộ là ma túy ở thể rắn 445,268g Methamphetamine (MA).

Xét, tại tiết 1.4 Mục 2 Điều 1 của Thông tư liên tịch số 08/2015/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 14/11/2015 quy định: Trường hợp không thu giữ được vật chứng là chất ma túy, tiền chất nhưng có căn cứ xác định được trọng lượng chất ma túy, tiền chất ma túy người phạm tội đã mua bán, vận chuyển ... thì người phạm tội bị truy cứu trách nhiệm hình sự về các tội danh và điều khoản tương ứng”. Do đó, căn cứ vào lời khai nhận của các bị cáo Nguyễn Xuân C, Kiều Thị M và Trần Kim H về số lượng ma túy đã mua bán, số tiền, thời gian, không gian, địa điểm giao nhận mua bán ma túy ... Đã đủ cơ sở xác định các bị cáo Nguyễn Xuân C và Kiều Thị M phải chịu trách nhiệm hình sự về khối lượng ma túy đã mua bán với nhau là 50g Methamphetamine (MA) vào ngày 13/8/2106.

Xét, đã có đủ cơ sở để kết luận: với khối lượng ma túy dùng để mua bán và hành vi của các bị cáo Nguyễn Xuân C, Kiều Thị M và Trần Kim H đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Hành vi phạm tội của các bị cáo C, M và H là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, là nguyên nhân làm gia tăng các loại tội phạm về ma túy và tệ nạn xã hội khác; gây mất trật tự trị an xã hội. Các bị cáo C, M và H là người có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng với động cơ vụ lợi bất chính vẫn bất chấp sự nghiêm cấm của Nhà nước để cố ý phạm tội và bị cáo C đã phạm tội đặc biệt nghiêm trọng.

Xét, bị cáo Nguyễn Xuân C thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy với khối lượng đặc biệt lớn, tổng khối lượng **ma túy thu giữ khi bị bắt quả tang, thu giữ khi khám xét tại nhà và số ma túy đã bán cho bị cáo Kiều Thị M là: 49,8480g MA + 395,42g MA + 50g MA = 495,268g Methamphetamin (MA)**; thuộc trường hợp các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng từ 300g trở lên, là tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đối với các bị cáo Kiều Thị M và Trần Kim H đã đồng phạm nhiều lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy cho các đối tượng nghiện với giá 3.000.000 đồng/hộp 5g ma túy đá từ tháng 05/2016 đến tháng 8/2016 bị bắt: trung

bình, mỗi ngày Huệ phụ giúp Mai mang ma túy đi giao và lấy tiền về từ 01 - 04 lần, một tuần đi giao ma túy cho Mai từ 04 - 05 ngày và ngày 13/8/2016, Kiều Thị M mua của Nguyễn Xuân C 50g MA. Trong đó, có ít nhất hai lần phạm tội mà mỗi lần đều có đầy đủ yếu tố cấu thành tội phạm và chưa bị xử lý; nên thuộc trường hợp “phạm tội nhiều lần”. Riêng bị cáo M còn phạm tội thuộc trường hợp “các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng từ hai mươi gam đến dưới 100 gam”.

Xét, tại bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có nêu truy tố về hành vi mua bán trái phép 50g ma túy đá (MA) của các bị cáo Nguyễn Xuân C và Kiều Thị M thực hiện vào ngày 13/8/2016, nhưng phần kết luận chỉ quy buộc bị cáo Mai chịu trách nhiệm hình sự về trọng lượng ma túy này mà không cộng trọng lượng ma túy này vào khối lượng ma túy bị cáo C đã thực hiện hành vi mua bán để buộc bị cáo C chịu trách nhiệm hình sự là có sai sót nhưng không làm sai lệch bản chất vụ án, không làm thay đổi khung hình phạt bị truy tố đối với bị cáo C và phù hợp với quy định tại Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự về “Giới hạn của việc xét xử” của Tòa án.

Do đó về hình phạt, cần xét xử nghiêm đối với: bị cáo Nguyễn Xuân C theo quy định tại điểm e Khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); bị cáo Kiều Thị M theo quy định tại các điểm b, m Khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và bị cáo Trần Kim H theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); như truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội.

Ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo M cho rằng: bị cáo M không thuộc trường hợp “phạm tội nhiều lần” là không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án, với quy định của pháp luật như nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Trong vụ án, bị cáo Nguyễn Xuân C phạm tội độc lập; các bị cáo Kiều Thị M và Trần Kim H phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm, có sự phân công nhưng mang tính giản đơn không có tổ chức. Trong đó, bị cáo M giữ vai trò chính là người bỏ vốn, liên hệ để mua ma túy về phân chia và bán cho các đối tượng nghiện để kiếm lời; còn bị cáo H với vai trò là người giúp sức tích cực, giúp bị cáo M giao ma túy, nhận tiền để được trả công hưởng lợi. Nên về hình phạt đối với bị cáo M phải nghiêm khắc hơn so với bị cáo H.

Xét, theo trích lục tiền án, tiền sự của bị cáo C, từng bị Công an Thành phố Hồ Chí Minh bắt về hành vi “Cướp tài sản của công dân” vào ngày 22/02/1979 và ngày 31/01/1981, bị bắt về hành vi “Tổ chức, cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép”. Mặc dù xác minh tại văn phòng Cơ quan CSĐT Công an Thành phố Hồ Chí Minh không tìm thấy thông tin nên theo nguyên tắc có lợi coi như bị cáo chưa bị xử lý nhưng luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng thời gian này bị cáo có tham gia Cách mạng, là người có thành tích trong chiến đấu (mặc dù giấy tờ đã bị thất lạc nên không còn để chứng minh), là không có cơ sở để chấp nhận.

Để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, về hình phạt đặt ra phải nghiêm, cần phải có thời gian đủ dài cách ly xã hội đối với các bị cáo mới có tác

dụng để răn đe giáo dục các bị cáo nói riêng và công tác đấu tranh và phòng chống tội phạm. Khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai báo thành khẩn, cũng phần nào thể hiện sự ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu, nhân thân chưa có tiền án tiền sự; bị cáo H khi phạm tội là phụ nữ có thai, đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng để giảm nhẹ một phần hình phạt đáng ra bị cáo phải chịu theo quy định điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Riêng bị cáo áp dụng thêm theo quy định tại điểm n Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo: Đối với bị cáo H, phạm tội lần đầu với vai trò đồng phạm, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng Khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt bị truy tố đã đủ tác dụng để răn đe, giáo dục bị cáo.

+Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo C, Mai phạm tội nhằm thu lợi bất chính nên cần áp dụng Khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự để buộc mỗi bị cáo nộp phạt một số tiền nhất định sung quỹ Nhà nước. Riêng bị cáo H có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có 04 con còn nhỏ, hiện không nghề nghiệp và hưởng lợi không đáng kể; nên miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố để xét xử với bị cáo Nguyễn Xuân C, Kiều Thị M và Trần Kim H là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai. Mức hình phạt đề nghị đối với các bị cáo M và H là phù hợp nên được chấp nhận. Riêng bị cáo C, đề nghị mức phạt tù có thời hạn dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là có phần nhẹ, không có căn cứ pháp luật.

Ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo C về mức hình phạt là không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án, với quy định của pháp luật như nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên không có cơ sở để được chấp nhận.

+Về thủ tục tố tụng: trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Điều tra viên, Kiểm sát viên, luật sư thực hiện các hành vi tố tụng, các quyết định tố tụng đúng quy định về trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và các bị cáo không có khiếu nại trong các giai đoạn tiến hành tố tụng.

+Về xử lý vật chứng: Áp dụng Khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, xét:

- 01 áo mưa, 02 hộp nhựa, 01 cân điện tử, 01 ví màu trắng đỏ xanh đen; là đồ vật liên quan tội phạm và không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 02 gói niêm phong có số 1577 (G1,G2) có chữ ký của GDV Huỳnh Thanh Thảo và Điều tra viên Nguyễn Thanh Hải bên trong là ma túy còn lại sau giám định không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 02 điện thoại Nokia thu giữ của bị cáo M, 01 điện thoại Nokia thu giữ của bị cáo C và 01 điện thoại Iphone thu giữ của bị cáo Huệ; là phương tiện liên lạc dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Số tiền 20.000.000 đồng thu giữ của bị cáo C (đã nộp kho bạc nhà nước Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh), là tiền dùng để phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền 38.000.000 đồng thu giữ của bị cáo M (đã nộp kho bạc Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, qua điều tra không chứng minh liên quan tội phạm nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án về tài sản)

- 01 xe máy biển số 52Y6-7558 số khung 058247-GD7D, số máy 058247-BED, qua điều tra là xe có nguồn gốc hợp pháp. Mặc dù việc mua bán chỉ làm giấy tờ tay chưa làm thủ tục sang tên, đăng ký. Ông Tiêu Quốc L (là bố chồng của bị cáo H) là người mua cuối cùng nhưng do mua xe đã lâu và xe không có giá trị nên chỉ giữ giấy tờ xe để đi lại cho đến ngày 14/08/2016, bị cáo H mượn xe đi công việc và sử dụng làm phương tiện phạm tội và bị tạm giữ.

Tại phiên tòa, ông Tiêu Quốc L từ chối nhận lại xe nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 xe máy biển số 59N1-708.83 số khung RLHHC1210DY-178391, số máy HC12E-5178406, qua điều tra là xe có nguồn gốc hợp pháp của bà Nguyễn Thị Ngọc Q (là con ruột bị cáo C). Ngày 13/8/2016, bị cáo C mượn xe trên đi công việc và bà Q không biết việc bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên trả lại chiếc xe trên cho chủ sở hữu.

+Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đối với các đối tượng Hùng, Út, Tuấn, Minh Nhóc có hành vi mua bán trái phép chất ma túy với các bị cáo trong vụ án này nhưng do qua trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch nên không có cơ sở để xem xét, xử lý.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Xuân C, Kiều Thị M và Trần Kim H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

+ Áp dụng điểm e Khoản 4, Khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân C 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 13/8/2016.

- Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Xuân C 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

+Áp dụng điểm các điểm b, m Khoản 2, Khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), điểm s Khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt bị cáo Kiều Thị M 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 14/8/2016.

- Phạt bổ sung bị cáo Kiều Thị M 10.000.000đ (mười triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

+Áp dụng điểm điểm b Khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), các điểm s, n Khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt bị cáo Trần Kim H 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù kể từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

+Về xử lý vật chứng: Áp dụng Khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy:

* 01 áo mưa màu xanh; 02 hộp nhựa; 01 cân điện tử; 01 ví màu trắng đỏ xanh đen.

* 02 gói niêm phong có số 1577 (G1,G2) có chữ ký của GĐV Huỳnh Thanh Thảo và Điều tra viên Nguyễn Thanh Hải bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

Điện thoại di động:

* 03 điện thoại hiệu Nokia.

*01 điện thoại hiệu Iphone (vỡ màn hình).

* Số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) thu giữ của bị cáo Nguyễn Xuân C.

* 01 xe máy biển số 52Y6-7558 số khung RLGF125GD - 70058247-GD7D, số máy VMM9BE-D058247.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 58.000.000đ (năm mươi tám triệu đồng) thu giữ của bị cáo Kiều Thị M, Nguyễn Xuân C đã nộp vào Kho bạc Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo thi hành án về tài sản.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc Q 01 xe máy biển số 59N1-708.83 số khung RLHHC1210DY178391, số máy HC12E5178406.

(Vật chứng theo Biên bản giao nhận tang tài vật số 265/17, ngày 07 tháng 6 năm 2017 của Cục thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh và giấy nộp tiền lập ngày 06/9/2016 nộp vào tài khoản số 394909059775 tại KBNN Quận 10)

+Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo C, M, H mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). Nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp Cao tại TP. HCM (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- Cục THA DS; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Trại giam; (2)
- Bị cáo; (3)
- Luật sư (2)
- Người liên quan (2)
- THA HS; (3)
- Phòng PC 53 - CA Tp. HCM; (2)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (3)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (36) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Anh